TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 THÁI NGUYÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 43/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 6 - 2026
V/v Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Nhường
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Chí Cường
Bà Trần Thị Vân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Ma Văn Chung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 91/2026/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 28/4/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị L**, sinh năm 1975/ có mặt.
Nơi cư trú: Xóm L, xã V, tỉnh Thái Nguyên.
Bị đơn: Ông **Phùng Văn B**, sinh năm 1976/ vắng mặt lần thứ hai.
Nơi cư trú: Xóm L, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn bà Vũ Thị L trình bày: Bà và ông Phùng Văn B kết hôn, xây dựng gia đình với nhau từ năm 1997, có đăng ký kết hôn; khi kết hôn có được tự nguyện và có cưới hỏi theo phong tục. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được khoảng 20 năm, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2018 thì bà và ông B ly hôn. Năm 2022 do thương con nên bà trở về chung sống và đăng ký kết hôn lại với ông B. Tuy nhiên sau một thời gian chung sống vợ chồng lại phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai người không có sự hòa hợp nhau, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết. Ông Phùng Văn B thường gây sự chửi bới, đánh đập bà. Hiện nay bà và ông Phùng Văn B đã sống ly thân được một thời gian, không ai còn quan tâm đến ai. Bản thân bà nhận thấy cuộc hôn nhân không còn hòa thuận, hạnh phúc, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục.

Nay bà Vũ Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, cuộc sống chung vợ chồng thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phùng Văn B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phùng Văn H, sinh năm 1999 và Phùng Văn H1 sinh năm 2002. Các con đều đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là ông Phùng Văn B trình bày: Ông và bà Vũ Thị L kết hôn, xây dựng gia đình với nhau từ năm 1997, có đăng ký kết hôn; khi kết hôn có được tự nguyện và có cưới hỏi theo phong tục. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được khoảng 20 năm, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2018 thì ông B và bà lan ly hôn. Năm 2022 bà L trở về chung sống và đăng ký kết hôn lại với ông B. Quá trình chung sống không có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân được một thời gian nhưng tình cảm vợ chồng vẫn có thể hàn gắn và chưa đến mức phải ly hôn. Nay ông B xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, bà L xin ly hôn thì ông không nhất trí ly hôn, ông muốn bà L rút đơn về đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phùng Văn H, sinh năm 1999 và Phùng Văn H1 sinh năm 2002. Các con đều đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phùng Văn B đã được Tòa án thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng báo cho ông Phùng Văn B biết phải đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng ông Phùng Văn B không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn", căn cứ Điều 21, 28, 35, 39, 147 BLTTDS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự (nguyên đơn) kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Không có vi phạm, không có đề xuất hay kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 19, 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L, cho bà Vũ Thị L được ly hôn ông Phùng Văn B.

- Về con chung: Các con đều đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần nên không đề nghị xem xét giải quyết.

- Tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Hai bên đương sự xác định không có.

- Về án phí: Bà Vũ Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và lời trình bày của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Vũ Thị L khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là ông Phùng Văn B, bị đơn đang cư trú tại xã V, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Phùng Văn B không đến tham gia phiên hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử vụ án, vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt ông Phùng Văn B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị L và ông Phùng Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn lại vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Căn cứ lời khai của hai bên đương sự xác định được mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn sự hòa hợp và đã sống ly thân được một thời gian. Trong quá trình giải quyết, hòa giải tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay bà L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và xin được ly hôn ông Phùng Văn B. Còn ông Phùng Văn B xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông không nhất trí ly hôn và muốn bà L quay về đoàn tụ vợ chồng. Tuy nhiên trong thời gian qua ông Phùng Văn B không có cách nào hòa giải đoàn tụ với bà L, không gặp gỡ nói chuyện, thuyết phục bà L rút đơn quay về chung sống với ông. Hội đồng xét xử xét thấy bà Vũ Thị L và ông Phùng Văn B đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn, hai bên không còn tìm thấy sự đồng điệu, gắn bó, sẻ chia trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người đã sống ly thân không còn khả năng đoàn tụ, do đó yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị L được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho bà Vũ Thị L được ly hôn ông Phùng Văn B.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phùng Văn H, sinh năm 1999 và Phùng Văn H1 sinh năm 2002. Các con đều đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Vũ Thị L và ông Phùng Văn B xác định vợ chồng không có nợ chung.

[6] Về án phí: Bà Vũ Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 174, 177, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Vũ Thị L, cho bà Vũ Thị L được ly hôn ông Phùng Văn B.

[2]. Về con chung: Các con đều đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Hai bên đương sự đều xác định không có.

[5]. Án phí: Bà Vũ Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001057 ngày 18/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Bà Vũ Thị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[6]. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn là bà Vũ Thị L biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là ông Phùng Văn B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND khu vực 5-TN;
- THADS tỉnh TN;
- Các đương sự;
- UBND xã Võ Nhai;
- Lưu VT, HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Hữu Nhường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Hữu N

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND khu vực 5-TN;
- THADS tỉnh TN;
- Các đương sự;
- UBND xã Nam Hòa;
- Lưu VT, HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Hữu Nhường